

Số: 2476/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 08 tháng 10 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp”

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 37/TTr-MV ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Minh Vượng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 442/TTr-STNMT ngày 01 tháng 10 năm 2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Minh Vượng (là Chủ dự án) thực hiện tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Minh Vượng có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

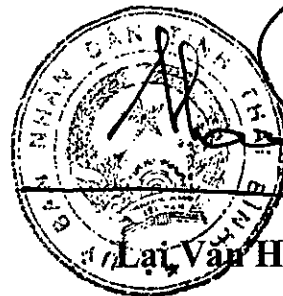
**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Minh Vượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
(Kèm theo Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**1. Thông tin về Dự án:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Minh Vượng.  
Địa chỉ: Số 102, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình.
- Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:  
Sản xuất cửa gỗ các loại với công suất: 400.000 sản phẩm/năm.  
Diện tích đất sử dụng: 26.029,9 m<sup>2</sup>.
- Các hạng mục, công trình chính của dự án:  
Nhà xưởng sản xuất và văn phòng điều hành xưởng, diện tích đất xây dựng 10.445,3 m<sup>2</sup>.  
Xưởng ép mùn, diện tích đất xây dựng 400 m<sup>2</sup>.  
Nhà kho nguyên liệu, diện tích đất xây dựng 3.164,1 m<sup>2</sup>.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.
- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động của sản xuất, hoạt động của công nhân.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, dưỡng hồ bê tông, làm mát thiết bị, rửa cốt liệu... lưu lượng khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 0,9 m<sup>3</sup>/ngày.
- Giai đoạn vận hành: Chỉ phát sinh nước thải từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên; lưu lượng khoảng 24 m<sup>3</sup>/ngày.

**2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động phá dỡ công trình, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải, tập kết vật liệu xây dựng và từ máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cắt, bóc lạng, bào, khoan, chà nhám, sản xuất viên nén mùn cưa; bụi, khí thải phát sinh từ công

đoạn sơn; hơi keo phát sinh từ công đoạn dán cạnh, ghép phôi; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, máy phát điện.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng: Chất thải rắn từ phá dỡ các công trình hiện có khoảng 3.522,23 tấn/15 ngày; chất thải rắn xây dựng khoảng 0,9 tấn/ngày; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 10 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm gỗ vụn, mùn cưa, bụi gỗ, bìa carton, nilon thải, giẻ lau, giấy rách thải, lõi băng dính phát sinh khoảng 225,855 tấn/3 tháng; bùn cặn từ xử lý nước thải sinh hoạt (cặn bể tự hoại) phát sinh khoảng 13,71 tấn/6 tháng; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 64,8 kg/ngày

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Dầu thải, giẻ lau và chất thải nhiễm dầu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thi công, phương tiện vận chuyển; khối lượng khoảng 74 kg/4 tháng.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính thành phần nguy hại, dầu thải, mực in, hộp mực in thải, than hoạt tính thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, cặn sơn thải; khối lượng khoảng 1.371,1 kg/3 tháng.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

#### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

Đối với nước thải từ xây dựng: Bố trí tuyến thoát nước để thu gom vào bể ngầm đã xây dựng, nước thải được lắng cặn, sử dụng cho thi công xây dựng.

Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh, công trình thu gom nước thải sinh hoạt sẵn có.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Rãnh thoát nước kích thước BxH = 400x600 mm, tổng chiều dài khoảng 496,8 m; rãnh thoát nước kích thước BxH = 600x800 mm, tổng chiều dài khoảng 167,3 m; rãnh thoát nước kích thước BxH = 700x900 mm, tổng chiều dài khoảng 774,9m; 56 hố ga; 08 điểm thoát nước mưa đầu nối với rãnh thoát nước chung của Khu công nghiệp.

+ Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ; toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo đường ống HDPE - D140, chiều dài 555,7m; sử dụng bơm đẩy dẫn về bể chứa có thể tích 100 m<sup>3</sup>, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

#### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng lưới che chắn khu vực thi công; che chắn khu vực tập kết vật liệu, đất đào từ thi công; phun ẩm khu vực thi công có phát sinh bụi; có kế hoạch thi công và cung cấp nguyên vật liệu hợp lý, hạn

ché việc tập kết nguyên vật liệu tập trung vào cùng một thời điểm với khối lượng lớn; phương tiện vận chuyển vật liệu và chất thải rắn xây dựng được che chắn, tránh làm rơi vãi ra tuyến đường vận chuyển và phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi gỗ phát sinh từ quá trình cắt, bóc lạng, bào, khoan, chà nhám được thu gom, xử lý tại 03 hệ thống thu gom, lọc bụi:

• Quy trình xử lý:

Bụi gỗ → Chụp hút → Ống dẫn → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí.

Bụi gỗ được thu gom từ các thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt chuyển liệu → Ống dẫn → Cyclon (khí thải được dẫn về thiết bị lọc bụi túi vải) → Buồng chứa bụi → Thu gom, xử lý.

• Thông số của hệ thống:

02 hệ thống thu gom, lọc bụi tại khu vực cắt, bóc lạng và bào, chà nhám công suất 50.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống; mỗi hệ thống gồm: 04 chụp hút kích thước L×B = 2×1,5(m); 01 thiết bị lọc bụi túi vải kích thước L×B×H = 8,8×3,0×11,186 (m); 01 quạt hút lưu lượng 50.000 m<sup>3</sup>/giờ/quạt; 01 ống thoát khí kích thước Ø×H = 1,0×8,0 (m).

01 hệ thống thu gom, lọc bụi tại khu vực chà nhám tay công suất 35.000 m<sup>3</sup>/giờ; gồm: 02 chụp hút kích thước L×B = 2×1,5(m); 01 thiết bị lọc bụi túi vải kích thước: L×B×H = 8,0×2,2×8,0(m); 01 quạt hút lưu lượng 35.000 m<sup>3</sup>/giờ; 01 ống thoát khí kích thước Ø×H = 1,0×8,0 (m).

01 hệ thống thu gom, lưu giữ bụi lắng từ hệ thống lọc bụi túi vải; gồm: Đường ống dẫn Ø = 1,0m; 01 cyclone kích thước: Ø×H = 1,6×5,936 (m); 01 quạt chuyển liệu lưu lượng 30.000 m<sup>3</sup>/giờ; 01 buồng chứa bụi kích thước L x B×H = 9×4×3,3 (m).

+ Bụi, khí thải từ quá trình sơn được thu gom, xử lý tại 02 hệ thống xử lý công suất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống:

• Quy trình xử lý: Bụi và khí thải sơn → Thiết bị xử lý bụi sơn dạng màng nước → Hộp lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí .

• Thông số của mỗi hệ thống: 01 thiết bị dập bụi sơn dạng màng nước kích thước L×B×H = 6,0×0,8×2,2 (m); 02 quạt hút lưu lượng 6.000 m<sup>3</sup>/giờ/quạt; 01 hộp lọc than hoạt tính kích thước L×B×H = 3,28×1,7×2,08 (m); 01 ống thoát khí kích thước: Ø×H = 0,6×8,0 (m).

+ Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn ép viên nén mùn cưa: Lắp đặt dây chuyền sản xuất đóng bộ, khép kín; lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng; công nhân được trang bị thiết bị bảo hộ lao động; thường xuyên vệ sinh xưởng ép mùn.

+ Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển: Phương tiện vận chuyển được kiểm định; thường xuyên vệ sinh nhà máy, sân đường nội bộ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Gạch vỡ, cát, sỏi đá thừa sẽ được thu gom, tái sử dụng thi công nền móng; sắt thép vụn, tấm tôn, vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng... sẽ được thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu; phần còn lại không tái sử dụng được sẽ được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Gõ vụn, mùn cưa được đưa tới xưởng ép mùn, ép thành dạng viên và bán cho các đơn vị sử dụng làm chất đốt; các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại được thu gom về kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 128,5 m<sup>2</sup>, được bán cho các đơn vị có nhu cầu hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 21,9 m<sup>2</sup>, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hàng ngày.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại kho diện tích 15 m<sup>2</sup>, bố trí thiết bị lưu giữ bảo đảm yêu cầu kỹ thuật tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại kho diện tích 30 m<sup>2</sup>, bố trí thiết bị lưu giữ bảo đảm yêu cầu kỹ thuật tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

- 03 hệ thống thu gom, lọc bụi (02 hệ thống công suất 50.000 m<sup>3</sup>/giờ, 01 hệ thống công suất 35.000 m<sup>3</sup>/giờ); 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải công đoạn sơn (công suất mỗi hệ thống 12.000 m<sup>3</sup>/giờ).

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 128,5 m<sup>2</sup>; kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m<sup>2</sup>; kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 21,9 m<sup>2</sup>.

- Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải đầu nối vào hệ thống thu gom tập trung của Khu công nghiệp.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:**

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 04 điểm tại khu đất thực hiện dự án.

+ Tần suất: 6 tháng/lần hoặc đột xuất khi có sự cố.

- + Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.
- Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

#### 5.2. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Theo hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Giám sát môi trường không khí:

+ Số điểm quan trắc: 05 điểm

+ Vị trí quan trắc:

03 điểm sau hệ thống lọc bụi túi vải 1, 2, 3; thông số quan trắc: Bụi tổng; quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B giá trị C.

02 điểm tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi và khí thải sơn 1, 2; thông số quan trắc: Bụi tổng, n-Butyl axetat, toluen, xylen; quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B giá trị C, QCVN 20:2009/BTNMT.

+ Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

#### 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. *ru*